

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Luật hình sự các nước, ở những giai đoạn lịch sử và ở những cấp độ khác nhau đã quy định trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với những người trong đồng phạm đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm đối với hình thức phạm tội đặc biệt này.

Khoa học pháp lý xem đồng phạm là hình thức phạm tội đặc biệt, do sự tương tác, hỗ trợ để đạt tới mục đích chung mà những người phạm tội cùng hướng tới. Ở mức độ khái quát nhất, đồng phạm gây ra nguy hại lớn cho xã hội, tính chất, mức độ nguy hiểm cao hơn do đó TNHS phải gánh chịu cũng phải cao hơn so với TNHS của cùng một tội phạm do một người thực hiện. Mặt khác, tuy TNHS của vụ án đồng phạm cao hơn nhưng vai trò của những người trong đồng phạm lại khác nhau về tính chất và mức độ tham gia nên đòi hỏi phải có sự phân hóa TNHS giữa những người trong đồng phạm với nhau. Vì vậy, ngoài việc phải chịu trách nhiệm chung, khi xác định TNHS đối với những người trong đồng phạm còn phải căn cứ vào tính chất phạm tội và mức độ tham gia của họ trong đồng phạm. Đây là hai mặt của nguyên tắc xác định TNHS trong đồng phạm có quan hệ biện chứng với nhau, tạo nên sự thống nhất, nhưng công bằng khi áp dụng TNHS đối với những người trong đồng phạm.

Ở nước ta, ngay từ khi chưa có Bộ luật hình sự (BLHS), trong một số văn bản pháp luật đã quy định đồng phạm với các tên gọi khác nhau và giải quyết vấn đề TNHS trong vụ án đồng phạm. BLHS 1999 trên cơ sở kế thừa BLHS 1985, các quy định về đồng phạm và TNHS trong đồng phạm được thể hiện chi tiết, cụ thể hơn, phù hợp với thực tiễn giải quyết vụ án đồng phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng. BLHS 2015 không có sự thay đổi nhiều về quy định TNHS trong đồng phạm. Những quy định này đã góp phần tích cực vào việc đấu tranh xử lý tội phạm nói chung và đồng phạm nói riêng, nhiều vụ án đồng phạm có tổ chức gây thiệt hại lớn cho lợi ích của nhà nước, của xã hội và của nhân dân được xét xử đúng người, đúng tội,

công bằng khách quan, được xã hội đồng tình, nhân dân tin tưởng vào tòa án và nền tư pháp Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, chế định đồng phạm của BLHS 1999 chưa đáp ứng được yêu cầu của chiến lược cải cách tư pháp, đòi hỏi của yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế, còn bộc lộ nhiều hạn chế. BLHS 2015 có sửa đổi, bổ sung một số quy định về TNHS trong đồng phạm nhưng vẫn chưa giải quyết được những hạn chế nêu trên.

Mặt khác, thực tiễn áp dụng các quy định về TNHS trong đồng phạm còn nhiều quan điểm khác nhau dẫn đến việc áp dụng TNHS trong đồng phạm ở từng thời điểm, ở các địa phương và ở các cơ quan tiến hành tố tụng khác nhau ảnh hưởng tới nguyên tắc công bằng trong xử lý tội phạm. Trong thực tiễn, các cơ quan tố tụng còn có sự đánh giá khác nhau trong việc áp dụng các quy định pháp luật hình sự (PLHS) để xác định TNHS trong đồng phạm, dẫn đến việc áp dụng quá nặng hoặc quá nhẹ TNHS của những người đồng phạm. Nhiều vụ án bị hủy, sửa do xác định không chính xác đường lối xử lý hình sự hoặc thiếu sự phân hóa về giai đoạn thực hiện tội phạm của từng người đồng phạm...

Do đó, việc nghiên cứu một cách có hệ thống về mặt lý luận, trên cơ sở tổng kết thực tiễn vấn đề TNHS trong đồng phạm nhằm hoàn thiện các quy định của PLHS, giải quyết các vướng mắc mà thực tiễn đặt ra liên quan đến TNHS trong đồng phạm là vấn đề mang tính cấp bách, có ý nghĩa quan trọng của giai đoạn hiện nay. Chính vì vậy, tác giả lựa chọn: "**Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo luật hình sự Việt Nam**" làm đề tài Luận án tiến sĩ của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về TNHS trong đồng phạm, thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng TNHS trong đồng phạm; trên cơ sở đó đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng TNHS đối với đồng phạm trong quá trình giải quyết vụ án, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nêu trên, luận án giải quyết các nhiệm vụ sau:

a) Làm rõ những vấn đề lý luận về TNHS trong đồng phạm như: khái niệm, cơ sở xác định TNHS trong đồng phạm; nguyên tắc xác định TNHS trong đồng phạm, TNHS trong đồng phạm chưa hoàn thành; tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong đồng phạm;

b) Phân tích các quy định của PLHS Việt Nam, cũng như pháp luật của một số nước trên thế giới và một số thiết chế tư pháp hình sự về TNHS trong đồng phạm dưới góc độ luật học so sánh để khẳng định những điểm kế thừa và những kinh nghiệm có thể tiếp thu khi hoàn thiện pháp luật hình sự về đồng phạm;

c) Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của các quy phạm PLHS Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay về TNHS trong đồng phạm để rút ra những nhận xét, đánh giá;

d) Phân tích thực tiễn áp dụng các quy định của PLHS về TNHS trong đồng phạm; đánh giá những kết quả, đồng thời chỉ rõ hạn chế, các nguyên nhân của những hạn chế trong thực tiễn áp dụng các quy định về TNHS trong đồng phạm;

đ) Đề xuất việc sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện các quy định PLHS hiện hành về TNHS trong đồng phạm và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng của quy định này trong thực tiễn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Các văn bản quy phạm PLHS, cũng như những vấn đề lý luận và thực tiễn về TNHS trong đồng phạm trong và ngoài nước.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án nghiên cứu "*Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo luật hình sự Việt Nam*" dưới góc độ Luật hình sự, đề cập có hệ thống những vấn đề thuộc về cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn, cũng như các quy định của PLHS về TNHS trong đồng phạm ở Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Nghiên cứu thực tiễn xét xử các vụ án đồng phạm trong

phạm vi cả nước, đánh giá tình hình áp dụng TNHS đối với đồng phạm trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thống kê thực tiễn xét xử các vụ án có đồng phạm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong giai đoạn 10 năm (2005-2014).

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

Cơ sở phương pháp luận của luận án là học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về cải cách hệ thống tư pháp, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Luận án sử dụng một số phương pháp nghiên cứu làm sáng tỏ các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu như: phân tích, lịch sử, tổng hợp, thống kê, xã hội, so sánh luật học.

5. Tính mới và những đóng góp của luận án

Luận án nghiên cứu toàn diện, có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về TNHS trong đồng phạm theo luật hình sự Việt Nam. Luận án là công trình nghiên cứu chuyên khảo đầu tiên trong khoa học luật hình sự Việt Nam đề cập đến vấn đề TNHS trong đồng phạm. Luận án phân tích các quy định pháp luật, những luận điểm khoa học để từ đó thống nhất quan điểm khoa học liên quan đến vấn đề nội dung TNHS trong đồng phạm, đồng phạm chưa hoàn thành, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong đồng phạm...

Phân tích, so sánh, đối chiếu các quy định của PLHS Việt Nam về TNHS trong đồng phạm với quy định pháp luật của một số nước trên thế giới tiêu biểu cho các hệ thống pháp luật và nghiên cứu chế định TNHS trong đồng phạm trong PLHS Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Qua việc đánh giá thực tiễn áp dụng chế định, chỉ ra những hạn chế, thiếu sót (cụ thể là 8 hạn chế với các ví dụ cụ thể của thực tiễn xét xử để chứng minh) và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót. Luận án đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của PLHS về TNHS trong đồng phạm.

Với những kết quả nghiên cứu sẽ hình thành hệ thống các tri thức khoa học về TNHS trong đồng phạm, Luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo nhằm hoàn thiện PLHS, trong thực tiễn áp dụng pháp luật, công tác

giảng dạy, học tập tại các cơ sở đào tạo luật hình sự ở Việt Nam đối với những vấn đề liên quan đến chế định TNHS trong đồng phạm.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu.

Chương 2: Những vấn đề lý luận về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm.

Chương 3: Thực trạng pháp luật hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng trách nhiệm hình sự trong đồng phạm ở giai đoạn xét xử.

Chương 4: Tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm và các giải pháp khác bảo đảm áp dụng.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

Đồng phạm và TNHS trong đồng phạm được quan tâm nghiên cứu khá sớm ở nước ta, đặc biệt từ những năm 80 của thế kỷ trước đã xuất hiện những bài tạp chí, các sách tham khảo đề cập trực tiếp đến vấn đề này. Việc nghiên cứu trước hết xuất phát từ nhu cầu thực tiễn xét xử những vụ án đồng phạm mà kết quả là Tòa án phải ra quyết định áp dụng hình phạt phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của từng người trong đồng phạm. Đồng thời, quá trình nghiên cứu này cũng định hình, đặt nền móng cho khoa học pháp lý hình sự Việt Nam về đồng phạm nói chung và TNHS trong đồng phạm nói riêng. Cho đến hiện nay, việc nghiên cứu TNHS trong đồng phạm khá phong phú, ở các cấp độ khác nhau.

1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước

Trách nhiệm hình sự và đồng phạm là những vấn đề cơ bản, phong phú và phức tạp của luật hình sự nên từ trước đến nay luôn được các nhà luật hình sự trên thế giới quan tâm. Ở Liên Xô trước đây và Liên bang Nga hiện nay, các tác giả đã có khá nhiều công trình nghiên cứu các vấn đề liên quan đến

TNHS trong đồng phạm. Bên cạnh đó, cũng có rất nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả thuộc hệ thống pháp luật Anglo - Saxon, Châu Âu lục địa về TNHS và đồng phạm, trong đó, có nhiều quan điểm khác biệt về TNHS trong đồng phạm so với các nước xã hội chủ nghĩa trước đây

1.3. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Luận án xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu sau đây:

- Làm rõ cơ sở lý luận về TNHS trong đồng phạm.

- Phân tích quy định pháp luật của một số nước trên thế giới đại diện cho các truyền thống pháp luật và luật hình sự quốc tế về TNHS trong đồng phạm.

- Hệ thống hóa lịch sử phát triển của các quy phạm trong pháp luật Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 cho đến nay về TNHS trong đồng phạm để rút ra những nhận xét, đánh giá.

- Phân tích thực tiễn áp dụng các quy định về TNHS trong đồng phạm trong hoạt động xét xử, đánh giá những kết quả, hạn chế và chỉ ra các nguyên nhân của những hạn chế trong thực tiễn xét xử các vụ án đồng phạm.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện PLHS hiện hành, dưới dạng các kiến giải lập pháp cụ thể tương ứng với từng điều luật có liên quan và đưa ra các giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về TNHS trong đồng phạm.

Kết luận chương 1

1. TNHS trong đồng phạm là vấn đề phức tạp, được các nhà khoa học luật hình sự tiếp cận bằng nhiều cách, ở nhiều bình diện, mức độ khác nhau và đã giải quyết được những vấn đề chung về TNHS cũng như về đồng phạm.

2. Đồng phạm và TNHS trong đồng phạm được quan tâm nghiên cứu khá sớm ở Việt Nam chủ yếu xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn xét xử. Các công trình có đề cập đến vấn đề TNHS trong đồng phạm còn tản mạn, giải quyết ở từng vấn đề nhỏ, chưa có công trình nghiên cứu toàn diện, đầy đủ, chuyên sâu về TNHS trong đồng phạm.

3. Ở ngoài nước, có một số lượng lớn các tư liệu khoa học liên quan đến vấn đề TNHS trong đồng phạm, nghiên cứu tổng quát hay xuất phát và giải quyết các tình huống thực tiễn cụ thể.

4. Nhiều công trình nghiên cứu ở Việt Nam và nước ngoài được thực hiện từ khá lâu, chưa cập nhật yêu cầu cải cách tư pháp, chưa căn cứ vào thực tiễn phát triển kinh tế xã hội và đòi hỏi đấu tranh phòng ngừa và xử lý tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

5. Các công trình nghiên cứu về TNHS trong đồng phạm là những gợi mở quan trọng để tác giả luận án tiếp tục nghiên cứu.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG ĐỒNG PHẠM

2.1. Đồng phạm và khái niệm trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

2.1.1. Khái quát về đồng phạm

a) Về nội dung chính trị - xã hội, đồng phạm là thể thống nhất giữa sự phủ định khách quan (phủ định đòi hỏi của xã hội trên thực tế) và phủ định chủ quan (phủ định đòi hỏi của xã hội trong ý thức chủ quan).

b) Về cách thức quy định trong BLHS, đồng phạm được quy định với mục đích xác định là một hình thức phạm tội hoặc xác định là các hành vi phạm tội phải chịu TNHS.

c) Về các dấu hiệu hợp thành, đồng phạm đòi hỏi phải có những dấu hiệu phản ánh mối liên hệ về mặt khách quan và chủ quan của những người cùng tham gia thực hiện tội phạm.

Đồng phạm là hình thức phạm tội có hai người trở lên có ý cùng tham gia thực hiện tội phạm do cố ý với vai trò là người thực hiện, người xúi giục, người giúp sức hoặc người tổ chức.

2.1.2. Khái quát về trách nhiệm hình sự

Trong khoa học Luật hình sự, tuy có nhiều cách thể hiện khác nhau, song tựu chung lại, đều cơ bản thống nhất nội hàm khái niệm TNHS là hậu quả pháp lý bất lợi mà người phạm tội phải chịu trước Nhà nước do việc (tham gia) thực hiện tội phạm, theo một trình tự, thủ tục do pháp luật tổ tụng hình sự quy định, thể hiện ở bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật, hình phạt và một số biện pháp cưỡng chế hình sự khác do luật hình sự quy định.

a) *Về bản chất*, TNHS là sự lên án của Nhà nước đối với người phạm tội và là sự phản ứng của Nhà nước đối với tội phạm.

b) *Về thời điểm phát sinh*, TNHS chỉ phát sinh từ khi có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

c) *Về nội dung*, TNHS là những tác động pháp lý bất lợi được quy định trong BLHS mà người phạm tội phải gánh chịu trước nhà nước, thể hiện trong bản án kết tội của Tòa án.

d) Ngoài những đặc điểm chung của trách nhiệm pháp lý, TNHS bao gồm những đặc điểm riêng.

2.1.3. Khái niệm trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

Việc giải quyết TNHS trong đồng phạm khác với TNHS trong trường hợp do một người thực hiện ở các điểm sau đây:

a) Về cơ sở trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

Trong đồng phạm, cơ sở pháp lý của TNHS là các quy định của pháp luật về đồng phạm và CTTTP của hành vi đồng phạm.

Cơ sở thực tiễn phát sinh TNHS trong đồng phạm bắt đầu từ thời điểm người đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi đồng phạm bao gồm hành vi cố ý thực hiện tội phạm cụ thể và các hành vi cố ý ảnh hưởng đến việc thực hiện tội phạm.

b) Về tính chất, mức độ trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm trước hết là trách nhiệm chung của nhóm người cùng tham gia thực hiện tội phạm. TNHS trong đồng phạm không phải bắt nguồn từ hành vi khởi xướng, xúi giục, giúp sức mà bắt nguồn từ việc tham gia thực hiện tội phạm với người thực hành. Mỗi người đồng phạm chịu trách nhiệm đối với hậu quả phạm tội chung, căn cứ vào mức độ đóng góp vào việc thực hiện tội phạm hay mỗi người đồng phạm phải đồng thời chịu trách nhiệm chung về hậu quả phạm tội chung và chịu trách nhiệm độc lập tương xứng với tính chất đồng phạm, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi tham gia phạm tội và mức độ đóng góp vào việc thực hiện tội phạm chung.

c) Về phân hóa trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

Sự khác biệt về số lượng người phạm tội, đặc điểm chủ quan của đồng phạm, mức độ liên kết, "tính chất hành vi của những người tham gia có thể

khác nhau, mức độ đóng góp của họ đối với việc thực hiện tội phạm chung có thể khác nhau" đã chứa đựng những lý do tất yếu khách quan phải có chính sách phân hóa TNHS phù hợp.

Từ những phân tích về đặc điểm của TNHS trong đồng phạm, có thể đưa ra định nghĩa về TNHS trong đồng phạm như sau: *TNHS trong đồng phạm là hậu quả pháp lý bất lợi đối với những người trong đồng phạm, do hành vi phạm tội của họ gây nên và tùy thuộc vào vai trò, mức độ tham gia trong đồng phạm.*

2.2. Các căn cứ quy định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

2.2.1. Căn cứ vào tính chất nguy hiểm của đồng phạm

Đồng phạm là hình thức phạm tội có tính chất nguy hiểm cho xã hội cao hơn các trường hợp phạm tội của một người riêng lẻ. Quy định TNHS trong đồng phạm phải tương xứng với tính chất nguy hiểm cho xã hội này của đồng phạm.

Tính chất nguy hiểm cho xã hội của đồng phạm là căn cứ đầu tiên, cơ bản để quy định TNHS trong đồng phạm. Nó đòi hỏi quy định TNHS của đồng phạm phải nghiêm khắc hơn so với trường hợp phạm tội do một người thực hiện, nhưng không phải TNHS được chia đều cho các vai trò đồng phạm, mà những người có đồng phạm có vai trò khác nhau vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân, căn cứ vào hành vi thực tế đã gây ra.

2.2.2. Căn cứ vào yêu cầu xử lý, đấu tranh phòng, chống tội phạm

Việc quy định TNHS trong đồng phạm cũng nhằm thực hiện chiến lược phòng, chống tội phạm, do đó, phải căn cứ vào chính sách hình sự về đồng phạm. Do tính chất nguy hiểm cao cho xã hội của đồng phạm so với trường hợp phạm tội riêng lẻ, chính sách hình sự luôn đặt ra yêu cầu đấu tranh phòng, chống với loại hình thức thực hiện tội phạm này.

Tuy nhiên, việc xác định TNHS đối với trường hợp đồng phạm thì không giống nhau ở các giai đoạn mà tùy thuộc vào đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ đấu tranh đối với từng loại tội phạm cụ thể trong từng giai đoạn phát triển tương ứng của xã hội. Đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi đồng phạm như thế nào thì sẽ có mức độ xử lý TNHS như vậy.

2.2.3. Căn cứ vào các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự và vai trò của nó trong việc bảo vệ quyền con người

Là một bộ phận hợp thành của pháp luật hình sự, TNHS trong đồng phạm không thể không hàm chứa nội dung và các yêu cầu của các nguyên tắc trong pháp luật hình sự, đặc biệt là các nguyên tắc nhân đạo, công bằng, pháp chế, cũng như phải đáp ứng được vai trò bảo vệ quyền con người bằng pháp luật hình sự.

2.2.4. Căn cứ vào yêu cầu hội nhập quốc tế và hợp tác trong đấu tranh phòng, chống tội phạm

Nhu cầu hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trở thành yêu cầu mang tính cấp thiết, đòi hỏi pháp luật hình sự nói chung, quy định TNHS trong đồng phạm nói riêng, phải tuân theo các chuẩn mực chung được thừa nhận ở các cấp độ khác nhau, thể hiện sự giao thoa, tiếp biến các giá trị văn hóa - pháp lý của các quốc gia.

2.3. Nội dung của chế định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo luật hình sự

2.3.1. Nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

2.3.1.1. Nguyên tắc chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm trong đồng phạm

a) Tất cả những người đồng phạm đều bị truy tố, xét xử về cùng một tội danh mà họ đã cùng tham gia thực hiện, theo cùng điều luật và trong phạm vi chế tài điều luật ấy qui định.

b) Tất cả những người đồng phạm phải cùng chịu trách nhiệm về những tình tiết tăng nặng định khung hình phạt hoặc tình tiết tăng nặng TNHS chung nếu họ biết.

c) Những quy định có tính nguyên tắc chung cho mọi trường hợp phạm tội đều được áp dụng chung cho tất cả những người đồng phạm.

2.3.1.2. Nguyên tắc chịu trách nhiệm độc lập về hành vi tham gia thực hiện tội phạm trong đồng phạm

a) Những người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm về hành vi vượt quá (thái quá) của những người đồng phạm khác.

b) Những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS thuộc về riêng người đồng phạm nào thì chỉ áp dụng đối với chính người đồng phạm đó. Việc miễn TNHS hoặc hình phạt đối với người đồng phạm này không loại trừ TNHS của những người đồng phạm khác.

c) Hành vi của người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức dù chưa đưa đến việc thực hiện tội phạm vẫn phải chịu TNHS.

d) Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội của một trong những người đồng phạm không loại trừ TNHS của những người đồng phạm khác.

2.3.1.3. Nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm

Việc xác định TNHS phải phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, phù hợp với những đặc điểm nhân thân người phạm tội. Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất, mức độ tham gia và đặc điểm nhân thân của từng người đồng phạm. "*Trách nhiệm của mỗi người đồng phạm tùy thuộc vào mức độ đóng góp của người đó vào việc thực hiện tội phạm*".

2.3.2. Trách nhiệm hình sự của đồng phạm trong các trường hợp phạm tội chưa đạt và vấn đề tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong đồng phạm

2.3.2.1. Trách nhiệm hình sự trong các trường hợp phạm tội chưa đạt

Quan điểm phổ biến hiện nay cho rằng: "*Nếu những người đồng phạm không thực hiện tội phạm được đến cùng do nguyên nhân khách quan, thì người thực hành thực hiện tội phạm đến giai đoạn nào, họ phải chịu trách nhiệm hình sự đến đó*". Tác giả luận án đã chỉ rõ các cơ sở lý luận và thực tiễn của quan điểm trên, từ đó đồng tình với quan điểm phổ biến này.

2.3.2.2. Vấn đề tự ý nửa chừng chấm dứt tội phạm trong đồng phạm

Đối với người thực hành, vấn đề tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được xác định như trường hợp phạm tội riêng lẻ. Đối với người đồng phạm khác thì việc tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội phải được thực hiện trước khi hành vi phạm tội của người thực hành ở giai đoạn phạm tội chưa đạt đã hoàn thành hoặc ở giai đoạn đã hoàn thành và người tổ chức, người xúi giục, người

giúp sức phải có những hành động tích cực làm mất tác dụng, vô hiệu hóa những hành vi trước đó của mình, để ngăn chặn được việc thực hiện tội phạm.

2.4. Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo luật hình sự một số nước và luật hình sự quốc tế

2.4.1. Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo pháp luật hình sự Liên bang Nga

Luật hình sự Liên bang Nga sử dụng một cách linh hoạt lý thuyết mượn tội phạm tính - xác định TNHS của những người đồng phạm khác thông qua hành vi phạm tội của người thực hành. Các giai đoạn thực hiện tội phạm của những người đồng phạm khác được xác định độc lập tương đối, không hoàn toàn thông qua các giai đoạn, mức độ thực hiện tội phạm của người thực hành. Hành vi xúi giục chưa đạt, giúp sức và tổ chức chưa đạt được xác định là hành vi chuẩn bị phạm tội. Hành vi tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội của người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức được công nhận căn cứ vào hành vi tích cực của họ nhằm khắc phục, vô hiệu hóa kết quả sự hỗ trợ việc phạm tội trước đó của mình, mà không liên hệ, thông qua hành vi thực hiện tội phạm của người thực hành.

2.4.2. Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo pháp luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức

Luật hình sự Đức cũng không đưa ra định nghĩa lập pháp về TNHS, không quy định đồng phạm với tư cách là hình thức thực hiện tội phạm đặc biệt mà quy định trực tiếp những hành vi phạm tội và gắn với mỗi loại hành vi là một loại người phải chịu TNHS, không quy định người tổ chức là một loại người tòng phạm mà xác định người tổ chức là người thực hiện tội phạm (bằng hành vi tổ chức). Luật hình sự thực hiện sự phân hóa "cứng" TNHS đối với hành vi tòng phạm (xúi giục, giúp sức), theo đó, người xúi giục luôn bị xử phạt như người thực hiện tội phạm, người giúp sức được xử phạt giảm nhẹ hơn. BLHS không quy định trực tiếp TNHS đối với hành vi tòng phạm chưa đạt, không truy cứu TNHS hành vi giúp sức chưa đạt, tuy nhiên, đã quy định trong BLHS vấn đề tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội của người thực hiện và người tòng phạm với tư tưởng lập pháp, khuyến khích sự tự nguyện của người đã thực hiện tội phạm và không đòi hỏi việc khắc phục được tác dụng của hành vi mới coi là đủ điều kiện để được miễn TNHS.

2.4.3. Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo pháp luật hình sự Hoa Kỳ

Tác giả luận án đã phân tích các quy định của Bộ Tổng luật (với tư cách là BLHS hiện hành) và BLHS mẫu (với tư cách là cơ sở cho việc cải cách luật hình sự của bang) về TNHS trong đồng phạm để rút ra những kết luận và bài học kinh nghiệm.

Bộ Tổng luật không có quy định phân biệt rõ nét hành vi bị coi là đồng phạm với các hành vi liên quan đến tội phạm mà không phải là đồng phạm. Tuy nhiên, đã phân biệt đồng phạm sau khi tội phạm được thực hiện và các trường hợp đồng phạm (giúp sức) trước và trong quá trình thực hiện tội phạm. Bộ Tổng luật không phân biệt mức độ TNHS đối với mỗi người đồng phạm, mà quy định việc trừng phạt ngang nhau đối với tất cả các loại người đồng phạm.

Bộ luật hình sự mẫu về đồng phạm có điểm tương đồng của Bộ luật này với cách tiếp cận của PLHS Cộng hòa liên bang Đức và hệ thống thông luật trong phân loại người đồng phạm. BLHS mẫu cũng chưa đưa ra một sự phân biệt rõ ràng về hình phạt giữa những người đồng phạm.

2.4.4. Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo luật hình sự quốc tế

Quy chế Rome có quy định về TNHS trong trường hợp tội phạm do người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức thực hiện tội phạm. Không có quy định nào nhằm phân biệt rõ ràng trách nhiệm giữa chính phạm và tông phạm. Những người đồng phạm chỉ phải chịu trách nhiệm khi có sự đóng góp một cách đáng kể vào việc thực hiện tội phạm chung. Quy chế quy định trách nhiệm của người phạm tội nói chung và các loại người đồng phạm nói riêng trong trường hợp thực hiện tội phạm chưa đạt. Quy định trong trường hợp từ bỏ việc thực hiện tội phạm hoặc có hành vi ngăn chặn việc hoàn thành tội phạm sẽ không phải chịu hình phạt về hành vi phạm tội chưa hoàn thành, nếu người đó tự nguyện từ bỏ hoàn toàn mục đích phạm tội.

Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia đưa ra khái niệm tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia. Quy định về các loại người trong nhóm tội phạm có tổ chức. Trách nhiệm pháp lý của nhóm người chịu trách nhiệm pháp lý thì mỗi quốc gia sẽ lựa chọn. Công ước chỉ đề ra các nguyên tắc chung xác định TNHS của các loại người trong tội phạm có tổ chức.

Kết luận chương 2

Từ các luận điểm khoa học đã được nghiên cứu trong Chương 2 của Luận án có thể đi đến các kết luận sau:

1. Trong khoa học pháp lý hình sự, hình thành và tồn tại khái niệm đồng phạm, có nhiều quan điểm khác nhau về đồng phạm.

2. TNHS trong đồng phạm là hậu quả pháp lý bất lợi đối với những người đồng phạm, do hành vi phạm tội gây nên và tùy thuộc vào vai trò, mức độ tham gia trong đồng phạm.

3. TNHS trong đồng phạm có những đặc điểm khác TNHS trong trường hợp do một người thực hiện về: cơ sở TNHS trong đồng phạm; phân hóa TNHS trong đồng phạm; tính chất, mức độ TNHS trong đồng phạm. Do tính chất nguy hiểm cho xã hội của đồng phạm, việc quy định TNHS trong đồng phạm là vấn đề tất yếu. Bên cạnh đó, căn cứ quy định TNHS trong đồng phạm còn do các yêu cầu: xử lý, đấu tranh phòng, chống tội phạm; các nguyên tắc trong PLHS và vai trò bảo vệ quyền con người bằng PLHS; hội nhập quốc tế, hợp tác trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.

4. Mỗi quốc gia có sự lựa chọn riêng về mô hình xác định TNHS. Pháp luật của mỗi quốc gia đều quy định và giải quyết mối quan hệ giữa hành vi thực hiện và hành vi đóng góp vào việc thực hiện tội phạm.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG ĐỒNG PHẠM Ở GIAI ĐOẠN XÉT XỬ

3.1. Thực trạng pháp luật hình sự Việt Nam về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm từ sau cách mạng tháng Tám 1945 cho đến nay

3.1.1. Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1954

Những quy định về đồng phạm trong những năm đầu của chính quyền dân chủ nhân dân đã phân biệt được rõ vai trò của những người đồng phạm, đồng thời nêu rõ TNHS của những người này trong các trường hợp đồng

phạm khác nhau. Do đó, đã phát huy được tác dụng tích cực trong việc trừng trị nghiêm khắc tội phạm.

3.1.2. Từ năm 1954 đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự 1985

Đồng phạm thời kỳ này được gọi là cộng phạm. Trong các văn bản quy phạm pháp luật ban hành thời kỳ này chưa đưa ra định nghĩa khái niệm đồng phạm, nhưng nhận thức về đồng phạm đã có sự thay đổi đáng kể.

Ở miền Nam, trong vùng giải phóng, do chiến tranh ác liệt, nên các nhà lập pháp chính quyền cách mạng không có điều kiện ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật. Đối với chính quyền ngụy quân, ngụy quyền Sài gòn, để thực hiện việc cai trị miền Nam Việt Nam, Bộ hình luật đã quy định 02 điều luật về TNHS trong đồng phạm.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, các quy định trong các văn bản pháp luật thời kỳ này không có quy định mới thể hiện nội dung của TNHS trong đồng phạm.

3.1.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự 1985 cho đến nay

3.1.3.1. Từ khi ban hành Bộ luật hình sự 1985 đến trước khi pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự 1999

Trong BLHS 1985, khái niệm đồng phạm chính thức được ghi nhận. BLHS đã có điều luật quy định về cơ sở của TNHS, đường lối xử lý hình sự mang tính trừng trị đối với người chủ mưu, cầm đầu việc phạm tội, chính thức ghi nhận chế định các giai đoạn thực hiện tội phạm, quy định miễn TNHS đối với trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. BLHS lần đầu quy định phạm tội có tổ chức. Đã quy định việc quyết định hình phạt trong đồng phạm với các căn cứ quyết định hình phạt khá chi tiết.

3.1.3.2. Từ khi ban hành Bộ luật hình sự 1999 đến nay

Trong BLHS 1999, chế định TNHS trong đồng phạm đã có những điểm mới về: định nghĩa khái niệm đồng phạm, quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm, quy định quan hệ đồng phạm là tình tiết làm tăng nặng TNHS của những người đồng phạm.

Trong BLHS 2015, các quy định về TNHS trong đồng phạm về cơ bản được giữ nguyên, bên cạnh đó, một số quy định đã được sửa đổi, bổ sung.

3.2. Thực tiễn áp dụng trách nhiệm hình sự đối với đồng phạm trong xét xử

3.2.1. Tình hình áp dụng trách nhiệm hình sự đối với đồng phạm trong xét xử

Tác giả luận án đi theo logic thống kê, khảo sát ở địa phương (Hà Nội) đến khảo sát trên địa bàn toàn quốc, thông qua đó tìm ra quy luật từ sự đơn lẻ đến khái quát.

3.1.1.1. Tình hình áp dụng trách nhiệm hình sự trong đồng phạm trên địa bàn thành phố Hà Nội

Tác giả luận án đã nghiên cứu số liệu về: tỷ lệ các vụ án có đồng phạm, bị cáo đưa ra xét xử so với tổng số các vụ án, bị cáo đưa ra xét xử; đồng phạm đối với từng nhóm tội phạm, loại tội phạm; tình hình áp dụng TNHS trong vụ án đồng phạm; tình hình áp dụng hình phạt đối với bị cáo trong đồng phạm; phân tích các đặc điểm nhân thân bị cáo trong các vụ án có đồng phạm đã bị Tòa án xét xử; phân tích kết quả xét xử các vụ án đồng phạm có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm, do hai cấp Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử trong thời gian 10 năm (2005-2014) để rút ra những đặc điểm về tình hình áp dụng TNHS trong đồng phạm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.1.1.2. Tình hình áp dụng trách nhiệm hình sự trong đồng phạm trên địa bàn toàn quốc

Đồng phạm không phải là tiêu chí thống kê của các cơ quan tư pháp hình sự, do đó, tác giả luận án đã nghiên cứu ngẫu nhiên 300 vụ án có đồng phạm đã được Tòa án các cấp trong cả nước xét xử, có hiệu lực pháp luật để xem xét thực tiễn áp dụng TNHS trong đồng phạm. Đồng thời, tác giả luận án cũng đã khảo sát 50 Thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp về một số nội dung liên quan đến áp dụng TNHS trong đồng phạm mà số liệu qua khảo sát 300 bản án chưa phản ánh được một cách đầy đủ.

3.1.2. Nhận xét tình hình áp dụng trách nhiệm hình sự đối với đồng phạm trong xét xử

a) Tỷ lệ các vụ án có đồng phạm, bị cáo là đồng phạm trong tổng số các vụ án, bị cáo đưa ra xét xử có tính ổn định cao thể hiện kết quả đấu tranh

đối với các tội phạm thực hiện bằng đồng phạm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn.

b) Đối với các loại tội phạm, nhóm tội phạm có tính nguy hiểm cho xã hội cao thì thường được thực hiện bằng hình thức đồng phạm.

c) Các bị cáo tham gia thực hiện tội phạm có đồng phạm có độ tuổi chủ yếu từ 18 đến 30 tuổi, xuất hiện tình trạng trẻ hóa tội phạm. Các bị cáo là nữ giới, các bị cáo tái phạm, tái phạm nguy hiểm cũng chiếm tỷ lệ cao. Có khuynh hướng kết hợp, đan xen vai trò giữa người thực hành và các loại người đồng phạm khác.

d) Chất lượng xét xử sơ thẩm các vụ án có đồng phạm cơ bản được đảm bảo. Chất lượng xét xử phúc thẩm còn một số hạn chế.

3.2.2. Những hạn chế trong thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

a) Cá thể hóa không chính xác trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm.

b) Xác định không chính xác ý thức chủ quan, hình thức lỗi của những người cùng tham gia thực hiện tội phạm, dẫn đến việc định tội danh sai, bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội.

c) Không áp dụng hoặc áp dụng không thống nhất, chính xác quy định pháp luật về các giai đoạn thực hiện tội phạm đối với các loại người tổ chức, xúi giục, giúp sức.

d) Không áp dụng hoặc áp dụng không thống nhất, chính xác quy định pháp luật về tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội đối với các loại người tổ chức, xúi giục, giúp sức.

đ) Áp dụng không đúng nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm.

e) Nhầm lẫn trong việc xác định loại người trong đồng phạm.

f) Thực tiễn xét xử "lúng túng" khi giải quyết các trường hợp có hay không có hành vi đồng phạm mới xuất hiện sau khi tội phạm đã xảy ra, hoàn thành nhưng chưa kết thúc.

g) Do nhận thức về bản chất pháp lý của khái niệm phạm tội có tổ chức còn chưa thống nhất, nên một số Tòa án đã sai lầm khi kết luận đồng phạm

có thông mưu trước thông thường là phạm tội có tổ chức hoặc ngược lại đồng phạm có tổ chức lại kết luận là đồng phạm có thông mưu trước thông thường.

h) Đường lối giải quyết không thống nhất giữa các vụ án có đồng phạm và các vụ án phạm tội riêng lẻ có mức độ nguy hiểm cho xã hội như nhau.

3.2.3. Những nguyên nhân của các hạn chế

a) Do quy định pháp luật về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm chưa được hoàn thiện, nhiều quy phạm còn chung chung, có tính khái quát cao dẫn đến nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau.

b) Do tính chất phức tạp của các vụ án có đồng phạm.

b) Do trình độ nhận thức về các quy định pháp luật.

c) Do sự thiếu tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, việc chấp hành kỷ luật công vụ chưa tốt, cố ý làm trái các quy định pháp luật.

d) Do sự chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc của cấp trên đối với cấp dưới còn hạn chế, chưa được thường xuyên, liên tục, kịp thời.

đ) Do công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ ngành tố tụng chưa được chú trọng đúng mức.

e) Do cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu, chế độ chính sách chưa đảm bảo, thiếu biên chế cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan tư pháp, đặc biệt là Tòa án.

Kết luận chương 3

Từ các luận điểm đã được nghiên cứu trong Chương 3 của Luận án có thể đi đến một số kết luận như sau:

1. Sự hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay cho thấy, các quy phạm PLHS mang đặc tính riêng trong các giai đoạn lịch sử nhưng nhìn chung, các quy phạm đã dần được hoàn thiện hơn, thể hiện nhận thức ngày càng đầy đủ hơn mục đích, nhu cầu điều chỉnh các quan hệ xã hội.

2. Nghiên cứu thực tiễn xét xử các vụ án có đồng phạm cho thấy tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm ngày càng diễn biến phức tạp. Đối với các loại tội phạm, nhóm tội phạm có tính nguy hiểm cho xã hội cao thì thường được thực hiện bằng hình thức đồng phạm. Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác xét xử các vụ án có đồng phạm, bảo đảm tính nghiêm minh, có căn cứ, đúng pháp luật thì khi xét xử các vụ án có

đồng phạm còn một số tồn tại, hạn chế trên hai phương diện - từ thực tiễn xét xử và trên phương diện pháp lý (lập pháp hình sự).

3. Thực trạng áp dụng và những tồn tại trong thực tiễn áp dụng các quy định PLHS Việt Nam về TNHS trong đồng phạm do những nguyên nhân cơ bản về khách quan và chủ quan.

Chương 4

HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG ĐỒNG PHẠM VÀ CÁC GIẢI PHÁP KHÁC BẢO ĐẢM ÁP DỤNG

4.1. Cơ sở hoàn thiện quy định pháp luật hình sự về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

4.1.1. Chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước

Gắn với các quy định của PLHS nói chung, các quy định TNHS trong đồng phạm nói riêng đòi hỏi phải nghiên cứu, nhận thức đúng đắn quan điểm của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm, thể hiện nguyên tắc nghiêm trị kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục, thuyết phục. Theo đó, từng bước thực hiện phân hóa TNHS ngày càng rõ ràng giữa các loại người đồng phạm, các trường hợp đồng phạm, xây dựng cơ sở pháp lý vững chắc để đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm có đồng phạm, tội phạm có tổ chức, nghiên cứu, áp dụng các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định PLHS nói chung và quy định pháp luật về TNHS trong đồng phạm nói riêng.

4.1.2. Tình hình tội phạm có đồng phạm và thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm có đồng phạm

Việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định của BLHS về TNHS trong đồng phạm phải được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn thi hành BLHS, thông qua đặc điểm định tính và định lượng của tình hình tội phạm có đồng phạm và thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm có đồng phạm. Tình hình tội phạm là căn cứ thực tiễn quan trọng của chính sách hình sự trong mọi thời kỳ. Kết quả đấu tranh phòng chống tội phạm là tiêu chuẩn chân lý cho sự đúng đắn, phù hợp của các quy định PLHS trong thực tiễn.

4.1.3. Sự phát triển các mặt của đời sống kinh tế - xã hội, pháp luật

Đời sống kinh tế, xã hội, pháp luật của nước ta có nhiều thay đổi về mọi mặt, đời sống phải có sự nhận thức, yêu cầu điều chỉnh sâu sắc hơn, chính xác hơn của PLHS nói chung và các quy phạm pháp luật về TNHS trong đồng phạm nói riêng, cụ thể như sau:

1) Sự phát triển về kinh tế - xã hội.

2) Tư tưởng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

3) Nền tảng pháp luật và trật tự pháp luật về cơ bản có sự đổi mới, đặc biệt với sự ra đời của Hiến pháp năm 2013. Mặc dù BLHS sửa đổi năm 2015 đã khắc phục phần nào các hạn chế trong quy định về TNHS trong đồng phạm, tuy nhiên, vẫn cần tiếp tục hoàn thiện góp phần đẩy mạnh công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

4.1.4. Xu hướng chủ động hội nhập quốc tế

Xu hướng chủ động hội nhập quốc tế đặt ra nghĩa vụ nội luật hóa nhằm thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam và yêu cầu bảo đảm các quy định của PLHS nói chung, TNHS trong đồng phạm nói riêng mang tính kế thừa, có chọn lọc và tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm lập pháp tiên bộ, được thừa nhận chung trên thế giới. Việc kế thừa, tiếp thu phải phù hợp với thực tiễn và cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội của nước ta hiện nay.

4.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

4.2.1. Nhận xét chung

Thực hiện việc pháp điển hóa lần thứ hai năm 1999 và lần thứ ba năm 2015 PLHS Việt Nam, ở một mức độ nhất định, nhà làm luật đã có sự sửa đổi, bổ sung một số vấn đề về kỹ thuật lập pháp chế định đồng phạm, tuy nhiên, nghiên cứu toàn bộ quy định về chế định TNHS trong đồng phạm, tác giả luận án đã rút ra một số nhận xét về các hạn chế liên quan đến:

a) Về kết cấu điều luật.

b) Về nội dung điều luật quy định định nghĩa đồng phạm.

c) Về thuật ngữ luật hình sự trong chế định TNHS trong đồng phạm.

d) Về nội dung điều luật quy định định nghĩa người đồng phạm.

đ) Về quy định TNHS của các loại người tham gia thực hiện tội phạm chưa có quy định về mức độ TNHS của từng loại người đồng phạm.

e) Chưa có điều luật quy định về tổ chức tội phạm cũng như trách nhiệm của người thành lập và tham gia tổ chức tội phạm.

f) Chưa có điều luật quy định về mặt lập pháp hình sự các nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm.

g) Trong BLHS chưa có điều luật nào trực tiếp quy định về TNHS của người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức trong các giai đoạn thực hiện tội phạm.

h) Chưa có điều luật quy định về tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội của người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức trong đồng phạm.

i) Chưa có quy định về chủ thể đặc biệt trong đồng phạm.

k) Việc giới hạn khung hình phạt thấp hơn liền kề khi quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của BLHS 1999 (Điều 47) đối với trường hợp đồng phạm chưa thực sự hợp lý (đã được sửa đổi bổ sung trong BLHS 2015).

4.2.2. Kiến giải lập pháp

Từ những nhận xét trên, tác giả luận án đã đưa ra kiến giải lập pháp chế định TNHS trong đồng phạm với các quy phạm được quy định trong Mục... Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm của Chương... Tội phạm, gồm 07 điều luật:

Điều.... Hình thức thực hiện hoặc tham gia thực hiện tội phạm

Điều Đồng phạm

Điều Chủ thể đặc biệt trong đồng phạm

Điều Các nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

Điều Trách nhiệm hình sự trong giai đoạn thực hiện tội phạm có đồng phạm

Điều Tự dừng việc phạm tội trong đồng phạm

Điều Tổ chức tội phạm

4.3. Những giải pháp khác bảo đảm áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

Để nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS Việt Nam về TNHS trong đồng phạm thì bên cạnh việc tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện quy định pháp luật hiện hành, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau đây.

4.3.1. Nâng cao chất lượng đội ngũ Thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp

4.3.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật hình sự nói chung, các quy định về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm nói riêng

4.3.3. Tăng cường công tác giám đốc kiểm tra, tổng kết xét xử, xây dựng án lệ về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

4.3.4. Tăng cường hợp tác quốc tế và trao đổi kinh nghiệm lập pháp hình sự về trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

Kết luận chương 4

1. Yêu cầu hoàn thiện PLHS về TNHS trong đồng phạm trong BLHS hiện hành mang tính cấp bách, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm nói chung và tội phạm do nhiều người cùng thực hiện nói riêng. Hoàn thiện PLHS về TNHS trong đồng phạm phải đáp ứng yêu cầu mang tính nền tảng và phương pháp luận..

2. Nghiên cứu quy định pháp luật hình sự về TNHS trong đồng phạm có thể rút ra 11 nhận xét về các hạn chế. Trên cơ sở đó, dưới góc độ nhận thức khoa học, tác giả Luận án đã đưa ra các kiến giải lập pháp chế định TNHS trong đồng phạm với 07 điều luật cụ thể được thiết kế trong một mục độc lập: TNHS trong đồng phạm thuộc Chương quy định về Tội phạm.

3. Để nâng cao chất lượng áp dụng các quy định của PLHS Việt Nam về TNHS trong đồng phạm thì bên cạnh việc tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện quy định pháp luật hiện hành, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp.

KẾT LUẬN

Luận án nghiên cứu vấn đề: TNHS trong đồng phạm theo luật hình sự Việt Nam có thể đưa ra một số kết luận sau:

1. Đồng phạm là hình thức phạm tội đặc biệt. Phần lớn những trường hợp phạm tội nguy hiểm là những trường hợp có đồng phạm. Giải quyết vấn đề TNHS trong đồng phạm là một vấn đề phức tạp nhưng là một yêu cầu cần thiết để giải quyết các vụ án lớn, các vụ án trọng điểm. Từ trước đến nay, trong khoa học luật hình sự, chế định TNHS và đồng phạm luôn được các nhà luật hình sự

trong và ngoài nước tập trung nghiên cứu, tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu riêng biệt về TNHS trong đồng phạm. Là một chế định phức tạp, chứa đựng nhiều nội dung phong phú, nhiều nội dung chưa được nghiên cứu, phân tích một cách có hệ thống, khoa học nên vẫn còn ý kiến khác nhau, cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện. Cùng với sự vận động, phát triển của hệ thống pháp luật nói chung, của PLHS nói riêng, những nội dung gắn với việc giải quyết chế định TNHS trong đồng phạm cũng luôn luôn vận động, phát triển và ngày càng hoàn thiện. Vì vậy, nghiên cứu chế định TNHS trong đồng phạm là việc làm có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn, không những góp phần vào việc giải thích, hướng dẫn, tạo sự nhận thức và áp dụng đúng đắn các quy phạm PLHS liên quan đến chế định TNHS trong đồng phạm mà còn có ý nghĩa góp phần tiếp tục hoàn thiện chế định này trong thời gian tới.

2. Nghiên cứu lịch sử luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay cho thấy, vấn đề TNHS trong đồng phạm đã được đề cập ở các mức độ khác nhau, nhưng còn dàn trải, rời rạc, mang đặc điểm riêng trong các giai đoạn lịch sử. Người đồng phạm được quy định với nhiều tên gọi khác nhau như: chính phạm, tòng phạm, a tòng, người khởi xướng, kẻ đồng mưu, kẻ xúi giục... Đến giai đoạn pháp điển hóa lần thứ nhất với việc thông qua BLHS 1985, các nội dung cơ bản của chế định TNHS trong đồng phạm đã được nhà làm luật ghi nhận chính thức và ngày càng cụ thể hơn, hoàn thiện hơn trong BLHS 1999 và BLHS 2015. Tuy nhiên, một số quy phạm của luật hình sự liên quan đến chế định TNHS trong đồng phạm của BLHS hiện hành còn có những bất cập, thiếu tính đồng bộ, là một trong những nguyên nhân dẫn đến nhận thức không thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và là một trong những lý do dẫn đến tình trạng điều tra, truy tố, xét xử oan, sai và tình trạng bỏ lọt tội phạm, làm giảm hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm thực hiện dưới hình thức đồng phạm nói riêng ở nước ta hiện nay.

3. Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về TNHS trong đồng phạm trong những năm qua đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, cơ quan tố tụng các cấp giải quyết, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế tối đa việc xét xử oan người không có tội, bỏ lọt tội phạm. Khi quyết định hình phạt đối với

mỗi người đồng phạm, đều căn cứ vào các quy định pháp luật, phán quyết của Tòa án căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét một cách khách quan, toàn diện chứng cứ của vụ án, đảm bảo việc thực hiện tốt nguyên tắc xử lý: nghiêm trị những người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, lưu manh côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội..., khoan hồng đối với người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra... Hình phạt áp dụng đảm bảo nghiêm minh, kết hợp giữa trừng trị với giáo dục, thuyết phục. Tuy nhiên, từ thực tiễn áp dụng chế định TNHS trong đồng phạm còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc làm hạn chế công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, giáo dục người phạm tội nói chung, người đồng phạm nói riêng. Thực trạng đó đòi hỏi phải tìm ra nguyên nhân về thực tiễn, lý luận và lập pháp, từ đó, kiến giải các giải pháp hoàn thiện, đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh PLHS, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm.

4. Trong luận án, đã nêu ra một số hạn chế, thiếu sót của BLHS trong việc giải quyết vấn đề TNHS trong đồng phạm, xây dựng mô hình khoa học và đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện. Hy vọng những đề xuất này sẽ được tiếp tục nghiên cứu, xem xét và giải quyết để khắc phục những hạn chế của BLHS hiện hành, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm đạt hiệu quả cao. Việc tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn nữa về mặt lý luận và đánh giá tổng thể thực tiễn áp dụng là khuynh hướng nghiên cứu tất yếu và cần thiết của khoa học luật hình sự trong thời gian tới.

5. Để nâng cao hiệu quả áp dụng TNHS trong đồng phạm thì không chỉ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về chế định này mà còn phải tiếp tục nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ Thẩm phán TAND các cấp, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, mở rộng hợp tác quốc tế và trao đổi kinh nghiệm lập pháp hình sự về TNHS trong đồng phạm. Muốn làm được như vậy, cần quán triệt một số quan điểm, tổ chức thực hiện nhất quán, đồng bộ các giải pháp và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương.